

PHỤ LỤC 01-DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ

(Kèm theo Thư mời chào báo giá số 1533/BVĐKT-VTTBYT ngày 12 tháng 12 năm 2022)

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Phim chụp Xquang kỹ thuật số	* Phim lộ sáng, cho in hình ảnh trên tấm PET 168 µm * Mật độ quang học tối đa: > 3.2 * Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất * Lưu trữ hình ảnh đến 20 năm. Khả năng lưu trữ tuân theo tiêu chuẩn ANSI 9.11 và 9.19 * Kích thước 14x17 inch (35x43cm)	Tờ	
2	Phim chụp Xquang kỹ thuật số	Phim nhiệt khô cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim nhiệt Fujifilm, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ.	Tờ	
3	Phim chụp Xquang kỹ thuật số	- Phim khô laser tương thích với máy Laser Trimax, kích thước 8x10"CE (20x25cm) Hộp 125 C772 - Phim in Laser kết hợp những ưu điểm của phương pháp tia Laser khô với hình ảnh chất lượng cao từ phim xanh. - Phim in Laser cung cấp khả năng chụp ảnh X quang chuyên môn với yêu cầu cao. Với độ nhiễu thấp, mật độ đồng nhất cao và khả năng hiển thị hình ảnh rõ ràng và thống nhất giúp cho các chẩn đoán có độ chính xác cao. - Lựa chọn bốn kích cỡ phim với 7-mil polyester phù hợp với các loại máy in Laser và ứng dụng hình ảnh. - Có khả năng lưu giữ được (100+ năm) film đạt được yêu cầu của ứng dụng đòi hỏi (ung bướu, Chụp nhũ ảnh, nhi khoa,...).	Tờ	
4	Phim chụp Xquang kỹ thuật số	Phim nhiệt khô cỡ 35x43 cm tương thích máy in phim nhiệt Fujifilm, hộp 100 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ.	Tờ	
5	Micro catheter trợ giúp dây dẫn đường cho bóng và stent	Cấu tạo: Đoạn đầu được làm từ chất liệu mềm, ôm sát dây dẫn giúp không gây tổn thương thành mạch.	Cái	
6	Micro Catheter siêu nhỏ	* Ống thông Mcath hỗ trợ dây dẫn đường vượt qua các tổn thương nhiễm mỡ trong khi thực hiện PCI (can thiệp mạch vành qua da) và để tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi các dây dẫn đường trong khi vẫn duy trì khả năng tiếp cận các nhánh mạch máu và tổn thương CTO.	Cái	
7	Khung giá đỡ mạch vành họ Limus	Khung giá đỡ mạch vành họ Limus dùng polymer tự tiêu phủ mặt stent áp thành mạch, các cỡ	cái	
8	Khung giá đỡ động mạch có màng bọc (Cover Stent) dùng trong trường hợp Cấp Cứu	- Khung giá đỡ động mạch có màng bọc dùng trong cấp cứu	Cái	
9	Bơm áp lực cao	Bộ bơm bóng Áp lực: 30atm Thể tích bơm tiêm: 30ml Đồng hồ bơm áp lực có phát quang trong điều kiện ánh sáng thấp, bao gồm cả khúc nối ngắn 30cm, 50cm tùy theo mong muốn.	Bộ	
10	Dây dẫn đường cho bóng và stent	- Kích thước của dây dẫn đường cho bóng và khung giá đỡ động mạch. + Đường kính: 0.014" + Chiều dài dây dẫn: 180 cm. + Hình dạng đầu: J và thẳng cho mục đích sử dụng khác nhau	Cái	
11	Bộ dụng cụ đóng mạch sau can thiệp cơ chế kép	- Bộ phận đóng mạch + Bộ đóng mạch sử dụng cơ chế kép + Kích cỡ: 14 Fr	Bộ	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Đơn vị tính	Ghi chú
12	Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng chất liệu nhớ hình Nitinol kích thước tiêu chuẩn từ 6 đến 45mm	Dụng cụ bắt dị vật kích thước lớn - Ba vòng Nitinol xen kẽ tạo nên cấu trúc toàn vẹn để chống sa khi di chuyển trong mạch máu. - Chiều dài: 100cm. - Hạn dùng 3 năm.	Cái	
13	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số với chức năng tự động kiểm tra ngưỡng thất cho mỗi xung tạo nhịp, tương thích MRI (chuyển chế độ MRI bằng thiết bị cầm tay nhỏ gọn)	- Tương thích chụp MRI toàn thân - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay. - Hệ thống tạo nhịp AutoCapture đáp ứng tối đa ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung, tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Trọng lượng 19g, thể tích 9.7 cc	Bộ	
14	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số với chức năng tự động kiểm tra ngưỡng thất cho mỗi xung tạo nhịp, tương thích MRI (chuyển chế độ MRI bằng thiết bị cầm tay nhỏ gọn)	- Tương thích chụp MRI toàn thân - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay. - Hệ thống tạo nhịp AutoCapture đáp ứng tối đa ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung, tự động phát xung dự phòng 5v khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Bộ tính năng tự động: Ưu tiên dẫn truyền thất nội tại, Tạo nhịp kiểm nén rung nhĩ, Tự động nhận cảm - Có cảnh báo loạn nhịp nhanh nhĩ có thể lập trình được. - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Trọng lượng 19g, thể tích 10.4 cc	Bộ	
15	Bộ khăn chụp mạch G3	Khăn trải bàn dụng cụ L 165x200cm: 01 Cái Khăn chụp mạch vành kích thước 240x410cm: 01 Cái Bao kính chắn chì kích thước 75x100cm: 01 Cái Bao chụp đầu đèn đường kính 60cm: 01 Cái Bao đựng remote kích thước 10x26cm: 01 Cái Khăn thấm 40x57cm: 01 Cái	Bộ	
16	Áo phẫu thuật	Áo phẫu thuật 150(W) x 125(H) cm với size M, Áo phẫu thuật gia cố thân 160(W) x 135(H) cm với size L	Cái	
17	Điện cực tạo nhịp tạm thời loại có bóng	- Kích cỡ 5F. - Độ dài 110cm. - Sức chứa của balloon 1cc. - Đường kính bơm tối đa 9mm. - Độ rộng của điện cực 3mm. - Khoảng trống của điện cực là 10mm.	Bộ	
18	Điện cực tạo nhịp tạm thời loại không có bóng	- Kích cỡ 5F, độ dài 110cm - Độ rộng của điện cực 3mm - Khoảng trống của điện cực là 10mm	Bộ	
19	Gel nút mạch	Gekl nút mạch vành	Tuýp	
20	Đầu dò siêu âm nội mạch	phù hợp với máy volcano các cỡ	Bộ	
21	Bóng nong mạch vành áp lực siêu cao	Các cỡ	Cái	
22	Máy phá dung tự động		Máy	
23	Vi ống thông có marker, đường kính 2,6F/ 2,95F	Vi ống thông siêu nhỏ đường kính trong 0.025". Đường kính ngoài đầu xa 2.6F; đầu gần 2.95F; Chiều dài: 150cm, 160cm.	Cái	
24	Ống thông dẫn đường can thiệp các loại	Kích cỡ 6F. Đường kính trong lớn loại 0.070" và 0.088". Chiều dài loại 0.070": 105cm; Chiều dài loại 0.088": 80cm; 90cm. Đường kính ngoài đầu gần/đầu xa 8F/8F đối với loại 0.088", đường kính đầu gần/đầu xa 6F/6F đối với loại 0.070".	Cái	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Đơn vị tính	Ghi chú
25	Vi ống thông hút huyết khối mạch não đường kính trong nhỏ	Đường kính trong đầu xa: 0.035". Đường kính ngoài đầu xa: 3,8F; Đường kính ngoài đầu gần: 4,7F. Chiều dài làm việc: 160cm	Cái	
26	Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	Kích cỡ đường kính ngoài đầu gần: 6F, đường kính trong đầu xa: .072"; 0.068" Đường kính ngoài đầu xa: 6F. Chiều dài 132 cm. Có nhiều đoạn chuyển tiếp.	Cái	
27	Giá đỡ lấy huyết khối	Thiết kế 3D. Vật liệu Nitinol đồng nhất thân dẫn đưa stent bằng thép không gỉ cung cấp truyền lực 1:1. Bốn điểm đánh dấu, một điểm trên mỗi buồng. Thiết bị đường kính 4.5 mm, chiều dài thiết bị 26mm. Chiều dài làm việc: 20mm.	Cái	
28	Vi Ống thông can thiệp mạch thần kinh	Ống thông can thiệp mạch máu não có phần khung làm bằng thép không gỉ, lòng ống phủ lớp lót chống ma sát, bên ngoài ống phủ nhựa polymer. Có các loại đường kính trong 0.017", 0.021", 0.027", 0.0445".	Cái	
29	Ống thông (Catheter) ái nước chụp tạng, mạch não, mạch ngoại biên	Cấu tạo: 3 lớp; Lớp phủ ái nước M coat; Đường kính: 5Fr; Chiều dài: 70cm; 100cm; Kiểu đầu: Yashiro; Mani	Cái	
30	Catheter chụp tim, mạch vành, chụp mạch não, mạch ngoại biên các cỡ	Cấu tạo 3 lớp; Chiều dài 80cm, 100cm; Tương thích guidewire 0.038"; Đường kính: 5Fr; Kiểu đầu: Cobra I; Cobra II; Simmons3; Vertebral	Cái	
31	Dụng cụ mở đường vào động mạch	Sheath có phủ lớp ái nước M Coat; Đường kính 5F, 6F; Chiều dài: 10cm; 16cm; Cấu tạo gồm: Kim luồn cỡ 20G; vi dây dẫn nhựa cỡ 0.025"; Bơm tiêm 2.5ml; Introducer Sheath; Dilator (que nong); Dao rạch da	Cái	
32	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu với cuộn vàng	Cấu tạo đồng trục; Đầu xa có phần cuộn vàng (Gold coil); Đường kính: 0.012"; 0.014"; 0.016"; Chiều dài: 180cm; 200cm; Kiểu đầu: Angled 45° x 4 mm; Angled 90° x 4 mm; Angled 1.5 mm J curve; Double Angled 90°+150° Angled 45x4mm	Cái	
33	Dụng cụ đóng động mạch	Cơ chế cầm máu kép; Cấu tạo gồm các thành phần sau: Dụng cụ đóng mạch, 01 dây dẫn, 01 dilator, 01 sheath; Kích cỡ: 6Fr; 8Fr	Cái	
34	Kẹp túi phình mạch máu não Clip Yasargil Titanium các cỡ	Kẹp Clip yasargil phình mạch máu não các cỡ. Vật liệu Titanium không bị nhiễm từ khi chụp MRI; Chiều dài lưỡi là 3.0mm -> 15.3mm; Màu tím và màu xanh dương, có lưỡi màu vàng và màu bạc, mặt ngoài lưỡi có bề mặt mịn, ngăn ngừa việc làm tổn thương mô; Mặt trong của lưỡi có dập các khối hình chóp lõm lớn và sâu tạo ra lực bám mạnh vào mô giúp phân bố lực đều và chống trơn trượt, có độ mở tối đa 3.3mm -> 10.2mm; Khoá của kẹp thiết kế phẳng mỏng và liền mạch, bề mặt tiếp xúc rộng ổn định có lực đóng từ 1.08N/g -> 200 N/g.; Có dụng cụ gắn kẹp sử dụng trong phẫu thuật key hole, đóng gói tiệt trùng sẵn; Đạt tiêu chuẩn ISO13485/CE	cái	
35	Ống thông (Catheter) lấy huyết khối (máu cục)	Chất liệu bóng: Cao su, chất liệu catheter: PEBAX; Có vạch đánh dấu độ sâu; Đường kính cỡ 2F. Dài 80cm; Đường kính bóng 4,5mm. Thể tích bóng 0,05ml	Cái	
36	Ống thông (Catheter) lấy huyết khối (máu cục)	Chất liệu bóng: Cao su, chất liệu catheter: PEBAX; Có vạch đánh dấu độ sâu; Đường kính cỡ 3F. Dài 80cm; Đường kính bóng 8mm. Thể tích bóng 0,2ml	Cái	
37	Ống thông (Catheter) lấy huyết khối (máu cục)	Chất liệu bóng: Cao su, chất liệu catheter: PEBAX; Có vạch đánh dấu độ sâu; Đường kính cỡ 4F. Dài 80cm; Đường kính bóng 10,5mm. Thể tích bóng 0,75ml	Cái	
38	Ống thông (Catheter) lấy huyết khối (máu cục)	Chất liệu bóng: Cao su, chất liệu catheter: PEBAX; Có vạch đánh dấu độ sâu; Đường kính cỡ 5F. Dài 80cm; Đường kính bóng 13mm. Thể tích bóng 1,5ml	Cái	
39	Ống thông (Catheter) lấy huyết khối (máu cục)	Chất liệu bóng: Cao su, chất liệu catheter: PEBAX; Có vạch đánh dấu độ sâu; Đường kính cỡ 6F. Dài 80cm; Đường kính bóng 13,5mm. Thể tích bóng 1,6ml	Cái	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Đơn vị tính	Ghi chú
40	Ống thông (Catheter) lấy huyết khối (máu cục)	Chất liệu bóng: Cao su, chất liệu catheter: PEBAX; Có vạch đánh dấu độ sâu; Đường kính cỡ 7F. Dài 80cm; Đường kính bóng 14mm. Thể tích bóng 1,75ml	Cái	
41	Ống thông (Catheter) lấy huyết khối (máu cục)	Chất liệu bóng: Cao su, chất liệu catheter: PEBAX; Có vạch đánh dấu độ sâu; Hai dải chắn bức xạ ở hai đầu gần và xa của quả bóng; tăng cường khả năng hiển thị dưới huỳnh quang; - Tương thích với dây dẫn tiêu chuẩn 0,035"; Đường kính 5.5F; dài 80cm; đường kính bóng 12mm; thể tích bóng 1,5ml	Cái	
42	Ống ghép mạch máu nhân tạo phủ bạc các cỡ	Mạch máu nhân tạo tráng bạc kháng khuẩn nhằm dự phòng lâu dài loại chia đôi, bề mặt ống ghép kháng khuẩn được cấp bằng sáng chế, ức chế nhiễm trùng ống ghép lâu dài, làm giảm sự bám dính của vi khuẩn, bảo vệ chống lại vi sinh vật thể hiện tính tương thích sinh học cao, hỗ trợ chữa lành không gây biến chứng	Hộp/cái	
43	Ống nối Shunt động mạch cảnh	Chất liệu shunt: Polyurethane; Chất liệu bóng: Cao su; Dài 31 cm; Cổng chữ T có van khóa. Van khóa, Bóng động mạch cảnh chung, Lumen thông động mạch được mã hóa theo màu sắc. Có vạch đánh dấu độ sâu theo centimet; Vỏ bọc an toàn, bóng an toàn	Cái	
44	Stent mạch máu ngoại biên tự bung công nghệ Hybrid, có đường kính từ 5-10mm, loại Promesa	Giá đỡ mạch máu ngoại biên tự bung promesa với công nghệ Hybrid tăng cường độ ổn định, chống sự xoắn vặn; Chất liệu : Nitinol; Thanh stent dày: 170µm, đường kính: 5-10mm, có 06 kích cỡ chiều dài: 30-120mm; Tương thích dây dẫn: 0.035" (0,89mm); Sheath tối thiểu: 6F; Chiều dài ống thông: 80cm và 120cm loại over-the-wire (OTW); Trục định hướng có dải marker Platinum Iridium giúp định vị chính xác; Giảm thiểu những rạn nứt dẫn đến việc gãy vỡ stent	Cái	
45	Phổi hỗ trợ tim phổi nhân tạo cấp cứu dùng cho bệnh nhân trên 20kg ECMO	- Thời gian sử dụng phổi liên tục 14 ngày - Phủ chất chống đông máu Bioline - Tổng thể tích mỗi (priming): 585 ml - Lưu lượng máu: 0,5-7 lít/phút 1. Phổi PLS-i: - Diện tích bề mặt trao đổi khí: 1,8 m ² - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: 0,4 m ² - Đầu nối nước: Hansen coupling đường kính 1/2 inch - Cổng lấy mẫu: Luer lock - Chất liệu của các chi tiết: + Sợi trao đổi khí: Polymethylpentene (PMP) + Sợi trao đổi nhiệt: Polyurethane (TPU) + Thân phổi: Polycarbonate (PC) 2. Bơm ly tâm ROTAFLOW centrifugal pump: - Tốc độ bơm ly tâm: 0 – 5.000 vòng/phút - Diện tích bề mặt: 190 cm ² - Chất liệu của các chi tiết: + Thân bơm ly tâm: nhựa Polycarbonate (PC)	Bộ	
46	Cannula động mạch	- Phủ chất chống đông máu Bioline - Thời gian sử dụng lên đến 30 ngày khi dùng với bộ phổi HLS hoặc PLS - Bộ gồm cannula, dụng cụ đặt, dây hỗ trợ cố định, miếng dán cố định bằng nhựa - Các cỡ đường kính từ 15Fr đến 23Fr, chiều dài 15cm hay 23cm - Chất liệu của các chi tiết: o Cannula: polyurethane (PUR), thép không gỉ o Dụng cụ đặt: polypropylene (PP), không chứa phthalate, polyvinyl chloride (PVC-P) dẻo với BaSO ₄ , không chứa DEHP	Cái	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Đơn vị tính	Ghi chú
47	Cannula tĩnh mạch	<ul style="list-style-type: none"> - Phù chất chống đông máu Bioline - Thời gian sử dụng lên đến 30 ngày khi dùng với bộ phổi HLS hoặc PLS - Bộ gồm cannula, dụng cụ đặt, dây hỗ trợ cố định ống, miếng dán cố định bằng nhựa - Các cỡ đường kính từ 19Fr đến 29Fr, chiều dài 38cm hay 55cm - Chất liệu của các chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> o Cannula: polyurethane (PUR), thép không gỉ o Dụng cụ đặt: polypropylene (PP), không chứa phthalate, polyvinyl chloride (PVC-P) dẻo với BaSO₄, không chứa DEHP 	Cái	
48	Bộ dẫn đường động mạch	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ gồm ống nong, dây dẫn hướng (guide wire), dao mổ nhỏ, bơm tiêm, kim tiêm - Kích cỡ: <ul style="list-style-type: none"> o PIK 100: đường kính 0.097 cm x chiều dài 100 cm - Chất liệu của các chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> o Ống nong: polyethylene độ đặc cao (HDPE) và BaSO₄ o Dây dẫn hướng (guide wire): thép không gỉ o Dao mổ nhỏ: thép không gỉ, polystyrene, polyethylene độ đặc thấp (LDPE) o Ống bơm: polypropylene (PP), nhựa isoprene (IR) o Kim tiêm: thép không gỉ, polyacrylic 	Cái	
49	Bộ dẫn đường tĩnh mạch	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ gồm ống nong, dây dẫn hướng (guide wire), dao mổ nhỏ, bơm tiêm, kim tiêm - Kích cỡ: <ul style="list-style-type: none"> o PIK 150: đường kính 0.097 cm x chiều dài 150 cm - Chất liệu của các chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> o Ống nong: polyethylene độ đặc cao (HDPE) và BaSO₄ o Dây dẫn hướng (guide wire): thép không gỉ o Dao mổ nhỏ: thép không gỉ, polystyrene, polyethylene độ đặc thấp (LDPE) o Ống bơm: polypropylene (PP), nhựa isoprene (IR) o Kim tiêm: thép không gỉ, polyacrylic 	Cái	
50	Máy đo ACT và kít		Máy	
51	Bộ mở mạch máu Beckman		Bộ	
52	Đầu dò tim siêu âm tim máy xách tay		Cái	
53	Kẹp mạch máu		Cái	
54	Lưới vá sọ (Miếng vá khuyết sọ titan 50x50mm)	<p>Chất liệu titanium nguyên chất TA2 trong tiêu chuẩn GB/T1380, có độ dày 0.6mm đến 0.8mm. Độ cứng bề mặt của tấm lưới ≥ 150 HV10. Thoogn số vô trùng: Nhiệt độ 121°C, Áp suất 0.1029MPa, trong 20 phút.</p> <p>Được thiết kế 3D với bố trí kết cấu lỗ hình hoa 6 lỗ thuận tiện khi cắt. Tấm lưới được phủ một lớp mạ màu xanh hoặc trắng, không làm mất màu khi hấp sấy, uồn. Không bị a/h khi chụp CT và MRI. Sản phẩm dùng vít 2.0mm và 1.6mm đồng bộ của hãng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE</p>	Miếng	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Đơn vị tính	Ghi chú
55	Lưới và sọ (Miếng và khuyết sọ titan 100 x 100 mm)	Chất liệu titanium nguyên chất TA2 trong tiêu chuẩn GB/T1380, có độ dày 0.6mm đến 0.8mm. Độ cứng bề mặt của tấm lưới ≥ 150 HV10. Thông số vô trùng: Nhiệt độ 121°C, Áp suất 0.1029MPa, trong 20 phút. Được thiết kế 3D với bố trí kết cấu lỗ hình hoa 6 lỗ thuận tiện khi cắt. Tấm lưới được phủ một lớp mạ màu xanh hoặc trắng, không làm mất màu khi hấp sấy, uồn. Không bị a/h khi chụp CT và MRI. Sản phẩm dùng vít 2.0mm và 1.6mm đồng bộ của hãng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	Miếng	
56	Lưới và sọ (Miếng và khuyết sọ titan 203x203mm)	Chất liệu titanium nguyên chất TA2 trong tiêu chuẩn GB/T1380, có độ dày 0.6mm đến 0.8mm. Độ cứng bề mặt của tấm lưới ≥ 150 HV10. Thông số vô trùng: Nhiệt độ 121°C, Áp suất 0.1029MPa, trong 20 phút. Được thiết kế 3D với bố trí kết cấu lỗ hình hoa 6 lỗ thuận tiện khi cắt. Tấm lưới được phủ một lớp mạ màu xanh hoặc trắng, không làm mất màu khi hấp sấy, uồn. Không bị a/h khi chụp CT và MRI. Sản phẩm dùng vít 2.0mm và 1.6mm đồng bộ của hãng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	Miếng	
57	Bột xương sinh học	Hộp chứa 1 ml được thiết kế độc đáo trong cấy ghép xương, với mỗi liều dùng đã được đóng gói trong một ống tiêm vô trùng đóng sẵn, được khử trùng bằng bức xạ với mỗi liều lượng tối thiểu là 25kGy	Hộp	
58	bột xương sinh học	Hộp chứa 2,5 ml được thiết kế độc đáo trong cấy ghép xương, với mỗi liều dùng đã được đóng gói trong một ống tiêm vô trùng đóng sẵn, được khử trùng bằng bức xạ với mỗi liều lượng tối thiểu là 25kGy	Hộp	
59	bột xương sinh học	Hộp chứa 5 ml được thiết kế độc đáo trong cấy ghép xương, với mỗi liều dùng đã được đóng gói trong một ống tiêm vô trùng đóng sẵn, được khử trùng bằng bức xạ với mỗi liều lượng tối thiểu là 25kGy	Hộp	
60	Miếng và khuyết sọ cứng	Miếng và khuyết sọ cứng hoa văn tròn Circle Grid hoặc tương đương kích cỡ khoảng 125 x 180 mm -Dùng hệ thống vít tự khoan, tự taro đường kính khoảng 1.6 mm ; 2,0mm -Bề dày bản khoảng 0.6mm -Chất liệu Titanium tinh khiết F-67 hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái/Túi	
61	Miếng và khuyết sọ cứng hoa văn ma trận	Miếng và khuyết sọ cứng hoa văn ma trận OsteoForm hoặc tương đương kích cỡ khoảng 90 x 90mm - Dùng hệ thống vít tự khoan, tự taro đường kính khoảng 1.6 mm ; 2,0mm - Bề dày bản khoảng 0.7mm - Chất liệu Titanium tinh khiết F-67 hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái/gói	
62	Miếng và khuyết sọ cứng hoa văn ma trận	Miếng và khuyết sọ cứng hoa văn ma trận OsteoForm hoặc tương đương kích cỡ khoảng 135 x 135mm. - Dùng hệ thống vít tự khoan, tự taro đường kính 1.6 mm ; 2,0mm - Bề dày bản khoảng 0.7mm - Chất liệu Titanium hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái/gói	
63	Miếng và khuyết sọ	Miếng và khuyết sọ cứng hoa văn tròn kích cỡ 150 x 150mm. Bề dày bản 0.8mm. Dùng hệ thống vít tự khoan 2,0mm. Chất liệu Titanium tinh khiết F-67. Tiêu chuẩn FDA và CE	Cái/Gói	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Đơn vị tính	Ghi chú
64	Miếng vá khuyết sọ cứng hoa văn ma trận	Miếng vá khuyết sọ cứng hoa văn ma trận kích cỡ 203 x 203mm - Dùng hệ thống vít tự khoan, tự taro đường kính 1.6 mm ; 2,0mm - Bề dày bản khoảng 0.7mm - Chất liệu Titanium hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái/gói	
65	Miếng vá tái tạo màng cứng tự dính, vật liệu	- Miếng vá tái tạo màng cứng, loại Neodura Vật liệu: Poly-L-Lactic Acid và Porcine Gelatin, có khả năng tự tiêu trong vòng thời gian an toàn là 12 tháng. - Chống dính với mô não, giảm biến chứng phẫu thuật, khả năng cơ học cao. - Một miếng nhưng có thể sử dụng 2 cách: Tự dính hoặc khâu. - Kích thước 6x8cm - Tiêu chuẩn CE	Miếng	
66	BỘ DÂY DẪN MÁU CHO LIỆU PHÁP TÁCH HUYẾT TƯƠNG SỬ DỤNG CHO MÁY LỌC MÁU LIÊN TỤC	Bộ dây tách huyết tương PEX cho máy lọc máu Diapact CRRT, một bộ gồm: Dây động mạch, dây tĩnh mạch; Bộ chuyển đổi điện áp quả lọc tách huyết tương, Dây dẫn dịch thay thế. Dây dẫn đầu ra huyết tương: 04 bộ/ thùng	Bộ	
67	BỘ DÂY DẪN MÁU CHO LIỆU PHÁP THẨM TÁCH/SIÊU LỌC SỬ DỤNG CHO MÁY LỌC MÁU LIÊN TỤC	Bộ dây lọc máu cho CVVH/CVVHD/CVVHFD/HF/HFD/HD cho máy lọc máu Diapact CRRT, một bộ gồm: 2 Túi dịch thải, 2 đầu kết nối túi, dây động mạch, Dây dẫn đầu vào dịch thay thế/thẩm tách; Dây dẫn đầu ra Siêu lọc/ thẩm tách; 04 bộ/ thùng	Bộ	
68	Bộ quả lọc máu liên tục	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: Chất liệu: - Sợi lọc AN69 HF: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc: - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 152 ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0,9m ² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240 μ m - Độ dày thành sợi lọc: 50 μ m - Tốc độ máu: 75 - 400 ml/phút - Thể tích mỗi máu (chỉ ở quả lọc): 66 ml $\pm 10\%$	Bộ	
69	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương	Quả lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 127 ml $\pm 10\%$ - Diện tích màng hiệu dụng: 0,35 m ² - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 330 μ m - Độ dày thành sợi lọc: 150 μ m - Thể tích máu trong sợi lọc: 41 ml $\pm 10\%$ - Tốc độ máu tối thiểu: 100 ml/phút - Tốc độ máu tối đa: 400 ml/phút	Bộ	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Đơn vị tính	Ghi chú
70	Bộ quả lọc máu liên tục	<p>Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết)</p> <p>Chất liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màng lọc cấu tạo 3 lớp: + Sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer) + PolyethyleneImine (PEI) + Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (4500+/-1500 IU/m2) - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG <p>Tiệt trùng: EtO (ethylene oxide)</p> <p>Thông số kỹ thuật của quả lọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 193 ml - Diện tích màng: 1,5m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Tốc độ máu: 100 - 450 ml / phút 	Bộ	
71	Quả lọc máu hấp phụ	<p>Bộ quả lọc hấp phụ than hoạt tính:</p> <p>Chất liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vỏ quả: Polypropylene - Chất hấp phụ: Than hoạt phủ Cellulose <p>Diện tích hấp phụ: 300.000 m²</p> <p>Độ dày màng: 3 - 5μm</p> <p>Kích thước lỗ: 450μm</p> <p>Thể tích máu trong cartridge: 260ml</p>	Bộ	
72	Bộ Kit cho máy lọc máu liên tục	<p>1 bộ kit dùng trong lọc huyết tương gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 quả lọc Plasma, chất liệu màng polysulfone, diện tích màng 0.6 m², tiệt trùng bằng hơi nước INLINE - 1 bộ cassette - 1 bộ dây MPS substitute - 1 túi thải 10L 	Bộ	
73	Bộ Kit cho máy lọc máu liên tục	<p>1 bộ kit dùng trong lọc máu liên tục gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 quả siêu lọc, chất liệu màng polysulfone, diện tích màng 1.4 m², tiệt trùng bằng hơi nước INLINE - 1 bộ cassette - 1 bộ dây substitute - 1 bộ dây dialysate 	Bộ	
74	Quả lọc tách huyết tương	<p>Màng lọc tách huyết tương diện tích 0.5 m², chất liệu polyethersulfone, đường kính trong sợi màng 300 micromet, dày sợi màng 100 micromet, kích thước lỗ màng tối đa 0.5 micromet, tiệt trùng ETO, thể tích ngăn máu 48 ml, thể tích ngăn plasma 154 ml, tốc độ máu 60 - 180 ml/phút, tốc độ plasma = 30% tốc độ máu, áp lực xuyên màng tối đa 100mmHg.</p>	Bộ	
75	Quả lọc máu dùng cho liệu pháp thay thế thận liên tục	<p>Màng lọc cấp cứu dùng cho máy CRRT</p> <p>Chất liệu màng: Polysulfone, vỏ polycarbonate.</p> <p>Diện tích bề mặt: 2.0 m²</p> <p>Thể tích mỗi khoang máu: 113ml</p> <p>Tốc độ máu tối đa: 500ml /phút</p> <p>TMP tối đa: 600 mmHg</p> <p>Phương pháp tiệt trùng: Gamma</p>	Bộ	
76	Kim tách nước	23G thẳng hoặc cong	Chiếc	
77	Ống thông khí tai người lớn	cỡ 1.27mm	Cái	
78	Ống thông khí trẻ em	Cỡ 0.76mm	Cái	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Đơn vị tính	Ghi chú
79	Pin máy thử đường huyết		Cái	
80	Ống cầm máu thực quản	- Ống silicone cầm máu thực quản và dạ dày: 03 nhánh có 02 bóng chèn, 02 nhánh trên có nắp đậy, 2 van 1 chiều bơm bóng chèn thực quản và dạ dày làm bằng nhựa ABS. - Hai bóng cách nhau, trên ống có đường cân quang. Bóng chèn dạ dày dài 60mm, thể tích 300ml. - Bóng chèn thực quản dài 140mm, áp lực khuyến cáo sử dụng 4.0 kPa(30mlHg), áp lực tối đa sử dụng 5.3 kPa (40mlHg). - Chiều dài ống 850mm, trên ống có vạch đánh dấu độ sâu, 04 lỗ hút dạ dày, có dây dẫn đường đi kèm. Các kích thước: 16Fr, 18Fr.	Cái	
81	Đầu tán sỏi (Điện cực cho máy tán sỏi ngoài cơ thể)	Điện cực dạng Bougi. Khe đánh lửa 0,6mm. Điện thế hoạt động 5,5 -14 KV (Kilo Volt). Tuổi thọ > 2500 lần phát xung.	Cái	
82	Kim đốt sóng cao tần đơn cực dùng cho máy Cool-Tip	Bộ gồm 01 kim, chiều dài kim đốt ≥ 15 cm, đầu phát năng lượng 0.7cm -3cm, kèm theo dây dẫn nước làm mát, đóng gói vô trùng.	Cái	
83	Kim đốt sóng cao tần bộ 2 kim dùng cho máy Cool-Tip	Bộ gồm 02 kim đốt riêng biệt, đường nước làm mát nối tiếp nhau, chiều dài kim đốt 15cm, đầu phát năng lượng 3 cm, kèm dây dẫn nước làm mát, đóng gói vô trùng.	Cái	
84	Kim đốt sóng cao tần bộ 3 kim dùng cho máy Cool-Tip	Bộ gồm 03 kim đốt riêng biệt, đường nước làm mát mắc nối tiếp nhau, chiều dài kim đốt 15cm, đầu phát năng lượng ≥ 3 cm, kèm dây dẫn nước làm mát, đóng gói vô trùng.	Cái	
85	Hơi Co2	Dung tích: 40 lít; khối lượng khí: (25 \pm 0,5)kg/bình; Độ tinh khiết CO2 $\geq 99,9\%$ (tt/tt) Tiêu chuẩn ISO 9001-2015	Bình	
86	Bình khí EO đơn liều 8-170	Bình khí chứa Ethylene Oxide 100%, sử dụng đơn liều Không chứa CFC/HCFC Sử dụng cho các máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng khí Ethylene oxide của hãng 3M Khối lượng 170g	Bình	
87	Oxy được dụng bình 10L	Oxygen $\geq 99,5\%$ (tt/tt) , tạp chất: H2O ≤ 60 mg/l, CO2 $\leq 0,03\%$ (tt/tt), CO ≤ 5 /triệu (tt/tt); Giới hạn acid kiềm, các chất oxy hóa phải đạt theo phương pháp thử của Dược điển Việt Nam V chuyên luận về Oxygen [Nếu khí oxygen được sản xuất bằng quy trình phân đoạn khí hóa lỏng thì không cần chứng minh 02 tiêu chí CO2 $\leq 0,03\%$ (tt/tt) và CO ≤ 5 /triệu (tt/tt)] Tiêu chuẩn ISO 9001-2015	Bình	
88	Oxy lỏng được dụng	Oxygen $\geq 99,6\%$ (tt/tt) , tạp chất: H2O ≤ 60 mg/l, CO2 $\leq 0,03\%$ (tt/tt), CO ≤ 5 /triệu (tt/tt); Khí được nạp vào bồn chứa của bệnh viện bằng xe chuyên dụng. Tiêu chuẩn ISO 9001-2015	Kg	
89	Hemo clip 11mm	11mm	Cái	
90	Hemo clip 16mm	16mm	Cái	
91	Huyết áp đồng hồ		Bộ	
92	Bao huyết áp cho máy theo dõi bệnh nhân	Kích thước bao 13cm, dải rộng bao từ 23-33 cm. Dùng cho trẻ lớn. (dùng cho máy Nihon Kohden)	Cái	
93	Bao huyết áp cho máy theo dõi bệnh nhân	Kích thước bao 13cm, dải rộng bao từ 23-33 cm. Dùng cho trẻ lớn. (dùng cho máy GE), loại 2 dây	Cái	
94	Bipolar của dao mổ	Đầu kẹp 381-134/136/138/140/142 kích cỡ từ 0,5 đến 20mm dài 16,5 đến 24cm.dây dẫn điện dài 3m	Cái	
95	Bộ đổi nguồn cho máy điện châm	Input: 100-240VAC 50/60Hz, Output: 9VDC 850mA	Cái	
96	Cáp điện tim	Chuẩn IEC, đầu cầm điện cực loại kẹp. Dây cáp dài 1m , dùng cho máy điện tim	Bộ	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Đơn vị tính	Ghi chú
97	Đồng hồ giảm áp oxy	Áp lực đầu vào: 15MPa, áp lực đầu ra: 0,2-0,03 Mpa, van an toàn: 0,35+- 0,05MPa	Cái	
98	Bao cao su	Chất liệu cao su tự nhiên, có độ trong mờ, không màu, được bôi trơn với dung dịch silicon với độ nhớt từ 200-250 CS.	Chiếc	
99	Mũ giấy		Chiếc	
100	Que đũa lưới gỗ đã tiệt trùng	150x2x2mm, chất liệu gỗ bồ đề, túi 1 cái đã tiệt trùng	Chiếc	
101	Dây garo	Chất liệu cao su	Cuộn	
102	Giấy dán mi mắt	Loại to (10*12) cm .Băng trong suốt giúp theo dõi điểm tiêm bằng mắt thường liên tục. Đóng gói vô khuẩn từng miếng	Miếng	
103	Vòng thắt tĩnh mạch thực quản	vòng cao su. Hộp 150	Hộp	
104	Casset nhựa		Cái	
105	Áo phẫu thuật	Size số 2-3 được làm bằng vải không dệt màu xanh nhạt, chiều dài thân áo từ cổ đến đầu gối, đóng trong túi kín.	Cái	
106	Dây ống nghe (dây nối dài ống dẫn lưu)		chiếc	
107	Bóng đèn	Bóng đèn máy AU480, 12V-20W	Chiếc	
108	Bóng đèn	24V-50W	Chiếc	
109	Bóng đèn cực tím	dài 90cm	Cái	
110	Bóng đèn đọc phim Xquang	40- 60cm, ánh sáng trắng	Chiếc	
111	Bóng đèn gù	24v-25w	Chiếc	
112	Bóng halogen	6v-20w	Cái	
113	Đèn cực tím	Máng inox, bóng đèn dài 90cm	Bộ	
114	Đèn đặt nội khí quản (Người lớn)	Cấu hình: Bộ ĐNKQ gồm: 3 lưới cong số 2/3/4; bóng nằm trên lưới 01 cán tay cầm 01 hộp đựng	Bộ	
115	Đèn đặt nội khí quản (Trẻ em)	Cấu hình: Bộ ĐNKQ gồm: 3 lưới thẳng số 0/1/2; bóng nằm trên lưới 01 cán tay cầm 01 hộp đựng	Bộ	
116	Kẹp xăng	13 cm	Cái	
117	Nhiệt kế		Cái	
118	Đồng hồ giảm áp oxy	Áp lực đầu vào: 15MPa, áp lực đầu ra: 0,2-0,03 Mpa, van an toàn: 0,35+- 0,05MPa	Cái	
119	Giấy ảnh máy siêu âm mắt	Kích thước: 110mm x 20m	Cuộn	
120	Giấy điện tim	kích thước: 210mm x 140mm x 200 tờ Giấy không có dòng kẻ	Tập	
121	Giấy điện tim 6 cần	Kích thước: 110mm x 140mm x 143 tờ Giấy không có dòng kẻ	Tập	
122	Giấy điện tim 3 cần tập	Kích thước: 63mm x 100mm x 300 tờ	Tập	
123	Giấy ghi kết quả sản khoa	Kích thước: 150mm x 90mm x 300 tờ	Tập	
124	Giấy in	Dùng được cho máy nước tiểu	Cuộn	
125	Giấy siêu âm	Phù hợp với máy UPP 110S, Dung lượng 215 bản in, KT: 110mmx20m	Cuộn	
126	Giấy siêu âm tim Canon		Hộp	
127	Giấy điện tim	Giấy điện tim Kenz Cardico 302 (sọc đỏ).112mm x 90mm x 300sh	Tập	
128	Ăng cây nhựa dùng 1 lần		Túi	
129	Kim bấm sinh thiết cổ tử cung		Cái	
130	Dao mổ điện Sutron		Cái	
131	Thìa nạo cổ tử cung		Cái	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Đơn vị tính	Ghi chú
132	Snare (thòng lọng) cắt Polyp	Lọng cắt polyp hình oval, có dây dày để tối đa hóa cầm máu và điều khiển dễ dàng, tích hợp tay cầm, đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm, chiều dài làm việc 2300mm, đường kính lọng có độ mở tối đa 25mm, độ dày của dây lọng thắt 0.47mm	Cái	
133	Kim sinh thiết dạ dày	Chiều dài làm việc 1550mm, kênh sinh thiết 2,8mm có lỗ cửa sổ tiêu chuẩn, Ngâm không có răng.	Cái	
134	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản	Gồm súng, dây và 1 đầu thắt có sẵn 6 vòng cao su.	Cái	
135	Kim tiêm cầm máu	Kim chích cầm máu nội soi Chiều dài làm việc 2300mm, tương thích đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm, chiều dài kim 4mm, đường kính kim 23G. Kim vát góc 30 độ	Cái	
136	Kim gấp dị vật	Chất liệu thép không gỉ	Cái	
137	Hotbiosy (cắt Polyp)	Kim sinh thiết nóng: Phù hợp kênh dụng cụ đường kính 2.8mm, chiều dài 2300mm, ngâm SwingJaw lác được, hình oval, có lỗ hai bên dùng kết hợp với máy cắt đốt.	Cái	
138	Bộ dây đo áp lực nội sọ tại não thất, cố định bằng cách tạo đường hầm trên da đầu, kèm dẫn lưu dịch não tủy		Bộ	
139	Bộ dây đo áp lực nội sọ và nhiệt độ nội sọ tại não thất kèm lưu dịch não tủy		Bộ	
140	Bộ dây đo áp lực nội sọ tại nhu mô có chốt cố định trên hộp sọ		Bộ	
141	Bộ dây đo áp lực và nhiệt độ nội sọ tại nhu mô não có chốt cố định trên hộp sọ		Bộ	
142	Túi đựng dịch não tủy		Bộ	
143	Giấy định nhóm máu		Tờ	
144	Đầu côn 200 µl (1024) theo máy		hộp	
145	Đầu côn 1000 µl (1024) theo máy		hộp	
146	Đầu côn có lọc 10ul dài		hộp	
147	Đầu côn có lọc 100ul dài		hộp	
148	Đầu côn có lọc 200ul dài		hộp	
149	Đầu côn có lọc 1000ul dài		hộp	
150	Ống 0,1 ml theo máy realtime PCR		hộp	
151	Ống 0,2 ml theo máy realtime PCR		hộp	
152	Ống 1,5 ml tiệt trùng		túi	
153	Ống 2 ml tiệt trùng		túi	
154	Ống đựng mẫu theo máy		hộp	
155	Giấy thấm không sợi		hộp	
156	Ống kính nội soi quang học HOPKINS	hướng nhìn 300, đường kính 4 mm. có thể hấp tiệt trùng, trong lòng có gắn thấu kính hình gậy bằng thủy tinh giúp tăng trường nhìn, đầu ống có bọc saphia chống xước.	chiếc	
157	Vỏ đặt ống soi cắt loại xoay được	cỡ 26 Fr, có 2 đường dịch vào và ra để tưới rửa liên tục.	chiếc	
158	Vỏ trong ống soi cắt	có thể xoay quanh vỏ ngoài, đầu vỏ cách điện bằng vật liệu ceramic. Sử dụng với vỏ đặt ống soi cắt 27050SC, cỡ 26Fr	chiếc	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Đơn vị tính	Ghi chú
159	Đầu bít tiêu chuẩn	sử dụng với vỏ đặt ống soi cắt loại 24/26 Fr.	chiếc	
160	Bộ tay cắt u bằng quang	tiền liệt tuyến, loại cắt chủ động bằng ngón trỏ.	chiếc	
161	Điện cực cắt đốt đơn cực hình vòng.		chiếc	
162	Điện cực cầm máu đơn cực hình cầu	đường kính 3 mm	chiếc	
163	Sợi cáp cao tần đơn cực	3m	chiếc	
164	Hộp bảo vệ điện cực		chiếc	
165	Xi lanh hút mảnh cắt REINER-ALEXANDER	dung tích 150 ml, có đi kèm với một khớp nối với vỏ đặt ống soi.	chiếc	
166	Nòng đặt sonde bằng quang		chiếc	
167	Dây dẫn nước 3 chạc	làm bằng silicon	chiếc	
168	Ống kính soi HOPKINS	hướng nhìn 300, đường kính 10mm, chiều dài làm việc 31 cm, có thể hấp tiết trùng, trong lòng có gắn thấu kính hình gậy bằng thủy tinh giúp tăng trường nhìn, đầu ống có bọc saphia chống xước	Chiếc	
169	Vỏ trocar kim loại	có khóa LUER, đầu vát chéo, cỡ 11 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm	Chiếc	
170	Van đa chức năng	có thể mở tự động hoặc thủ công, cỡ 11 mm	Chiếc	
171	Nòng trocar	đầu tù, cỡ 11 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm	Chiếc	
172	Nòng trocar	đầu hình kim tự tháp, cỡ 11 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm	Chiếc	
173	Vỏ trocar kim loại	có khóa LUER, đầu vát chéo, cỡ 6 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm	Chiếc	
174	Van đa chức năng	có thể mở tự động hoặc thủ công, cỡ 6 mm	Chiếc	
175	Ống thu giảm khẩu kính	loại 11/5mm	Chiếc	
176	Vỏ ngoài	Clickline, cách điện, có đầu tưới để vệ sinh. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	Chiếc	
177	Tay cầm	Clickline, bằng nhựa, xoay được, không khóa, có chân cầm đốt điện đơn cực	Chiếc	
178	Tay cầm	Clickline, bằng nhựa, xoay được, có khóa kiểu MANHES, có chân cầm đốt điện đơn cực	Chiếc	
179	Lưỡi kéo cong	Clickline, hàm hoạt động kép, có răng cưa, hàm dài 20 mm. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	Chiếc	
180	Hàm forceps kẹp	Clickline MANHES, nhiều răng, hàm rộng 4.8 mm, dài 14 mm, hoạt động đơn, dùng để kẹp chính xác và không gây tổn thương. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	Chiếc	
181	Hàm forceps kẹp	Clickline, có răng cưa không gây tổn thương, hàm dài 26 mm, mở cửa sổ, hoạt động đơn. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm.	Chiếc	
182	Hàm forceps kẹp và phẫu tích	Clickline, KELLY, hàm dài 22 mm, hoạt động kép. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	Chiếc	
183	Hàm forceps kẹp và phẫu tích	REDDICK-OLSEN hàm dài 13 mm, khỏe. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	Chiếc	
184	Que phẫu tích đơn cực	đầu hình chữ L. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	Chiếc	
185	Kim kẹp kim KQH	hàm thẳng, làm từ tungsten, tay cầm có khóa hãm. Cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm	Chiếc	
186	Ống tưới hút	bề mặt chống lóa, lỗ bên hông, với van hai chiều để sử dụng bằng một tay. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	Chiếc	
187	Tay cầm kim kẹp clip	có khóa	Chiếc	
188	Vỏ ngoài kim kẹp clip	bằng kim loại, cỡ 10 mm, chiều dài 36 cm	Chiếc	
189	Hàm kẹp clip	cỡ trung bình lớn	Chiếc	
190	Clip cầm máu Titanium	cỡ trung bình lớn. Hộp 160 chiếc	hộp	
191	Cáp cao tần lưỡng cực	dài 3 m	Chiếc	
192	Nút cao su đầu trocar	11mm	Chiếc	
193	Nút cao su đầu trocar	6mm	Chiếc	
194	Dầu tra các khớp cử động	50 ml	lọ	
195	Mỡ bôi trơn		tuýp	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Đơn vị tính	Ghi chú
196	Kem vệ sinh	đầu ống soi và đầu dây dẫn sáng	tuýp	
197	Chổi rửa dụng cụ	cỡ 7 mm	Chiếc	
198	Chổi rửa dụng cụ	cỡ 2.5 mm	Chiếc	
199	Hộp ngâm khử khuẩn dụng cụ,	cỡ 740 x 220 x 132mm, gồm 3 phần: hộp, khay đục lỗ, nắp đậy	Chiếc	
200	Hộp tiết trùng và bảo quản ống soi,	dùng cho 1 ống soi có chiều dài làm việc tới 34 cm, có đệm đỡ silicone, có nắp đậy. Kích thước ngoài: 430 x 65 x 52 mm	Chiếc	
201	Hộp tiết trùng và bảo quản dụng cụ,	bằng nhựa, có đục lỗ, nắp trong suốt, thảm silicone. Kích thước ngoài: 515 x 237 x 65 mm	Chiếc	
202	Ống kính soi HOPKINS	hướng nhìn 30°, đường kính 4 mm, dài 30cm, có thể hấp tiết trùng, trong lòng có gắn thấu kính hình gậy giúp tăng trường nhìn, đầu ống có bọc saphia chống xước	Chiếc	
203	Bộ vỏ đặt ống soi niệu đạo	cỡ 25 Fr, có 2 đường dịch với khóa LUER để tưới rửa liên tục, bao gồm cả nòng trong (mã số: 27026AO)	Chiếc	
204	Bộ vỏ đặt ống soi niệu đạo	cỡ 22 Fr, có 2 đường dịch với khóa LUER để tưới rửa liên tục, bao gồm cả nòng trong (mã số: 27026BO)	Chiếc	
205	Bộ vỏ đặt ống soi niệu đạo	cỡ 19 Fr, có 2 đường dịch với khóa LUER để tưới rửa liên tục, bao gồm cả nòng trong. (mã số: 27026DO)	Chiếc	
206	Bộ nối cho ống soi	có hai kênh có khóa.	Chiếc	
207	Bộ lệch hướng cơ học	có hai kênh dụng cụ có khóa, kèm theo thanh nối 27021O.	Chiếc	
208	Forceps gấp giữ quang học	hàm hoạt động kép, dùng để gấp stent.	Chiếc	
209	Forceps sinh thiết quang học	MARBERGER, hàm hoạt động kép. Sử dụng với ống soi hướng nhìn 30 độ.	Chiếc	
210	Adaptor	dùng nối các forceps quang học trên với vỏ đặt ống soi niệu đạo	Chiếc	
211	Forceps gấp dị vật	thân mềm, hàm hoạt động kép, cỡ 7Fr, chiều dài 40cm	Chiếc	
212	Khớp gối toàn phần Phủ TiN	Vật liệu: CoCr/CoCr/UHMWPE * Thành phần xương đùi : với khả năng tăng gấp duỗi tối đa 155°, Lớp phủ TiN - giảm nguy cơ kích ứng với kim loại - 5 cỡ lõi cầu đùi phải : CR, DR, ER, FR,GR và - 5 cỡ lõi cầu đùi trái : CL, DL, EL, FL GR. * Thành phần mâm chày với thiết kế nghiêng sau 7° bao gồm 6 kích cỡ cho sự lựa chọn phù hợp. Lớp phủ TiN - giảm nguy cơ kích ứng với kim loại	Bộ	
213	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay không xi măng	* Cuồng khớp: Vật liệu : Titanium alloy Plasme Spray - Thiết kế phù hợp với giải phẫu giúp bảo tồn xương - Kích cỡ chuôi: 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuôi: 130, 140,145, 150,155,160,165, 170,180,190mm. * Đầu chỏm Bipolar: - Vật liệu : REX Steel/PE. - Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm. - Đầu chỏm có thiết kế Excentric-tự định vị tâm xoay	Bộ	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Đơn vị tính	Ghi chú
214	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay không xi măng chuỗi dài	<p>* Cuồng khớp: Vật liệu : Titanium alloy Plasma Spray.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế phù hợp với giải phẫu giúp bảo tồn xương - Kích cỡ chuỗi: 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuỗi: 190, 205, 210, 215, 220, 225, 230, 235mm. <p>- Góc cổ chuỗi: 135o. cổ côn 12/14 mm</p> <p>- Chuỗi dạng không cổ, lớp phủ Titanium alloy Plasma Spray 1/3 đầu gần, với thiết kế hình nêm cả hai chiều (kiểu Muller)</p> <p>* Đầu chỏm Bipolar:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu : REX Steel/PE. - Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm. - Đầu chỏm có thiết kế Excentric-tự định vị tâm xoay 	Bộ	
215	Khớp háng toàn phần không xi măng khóa đáy ổ cối	<p>* Cuồng khớp: Vật liệu : Titanium alloy Plasma Spray.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ chuỗi: 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuỗi: 130, 140,145, 150,155,160,165, 170,180,190mm. <p>* Ổ cối:</p> <p>Vật liệu : Titanium alloy Plasma Spray giúp. Có thể lắp được với cả 2 loại lớp đệm PE và Ceramic.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể gắn thêm đai cố định xung quanh viền ổ cối - Kích cỡ : 40 – 74 mm với mỗi bước tăng 2mm. <p>* Lớp đệm (Liner):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu : Polyetylene cao phân tử (Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE)). - Đường kính trong : 22, 28,32 mm. <p>* Đầu Chỏm xương đùi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: REX Steel. - Đường kính: 22, 28, 32mm 	Bộ	
216	Khớp háng toàn phần không xi măng khóa đáy ổ cối chuỗi dài	<p>Cuồng khớp: Vật liệu : Titanium alloy Plasma Spray.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ chuỗi: 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuỗi: 190, 205, 210, 215, 220, 225, 230, 235mm. - Góc cổ chuỗi: 135 độ. - Chuỗi có lớp phủ Titanium alloy Plasma Spray 1/3 đầu gần, với thiết kế hình nêm cả hai chiều (kiểu Muller), cổ 12/14 mm. <p>*Ổ cối (Shell): Vật liệu : Titanium alloy Plasma Spray. Có thể lắp được với cả 2 loại lớp đệm PE và Ceramic.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể gắn thêm đai cố định xung quanh viền ổ cối - Kích cỡ : 40 – 74 mm với mỗi bước tăng 2mm. <p>* Lớp đệm (Liner): Vật liệu : Polyetylene cao phân tử (Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE)).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính trong : 22, 28,32 mm. <p>* Đầu Chỏm xương đùi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: REX Steel. - Đường kính: 22, 28, 32mm 	Bộ	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Đơn vị tính	Ghi chú
217	Khớp háng toàn phần không xi măng khóa đáy ổ cối Ceramic/PE	<p>* Cuồng khớp: Vật liệu : Titanium alloy Plasm Pray</p> <p>- Thiết kế phù hợp với giải phẫu giúp bảo tồn xương</p> <p>- Kích cỡ chuôi: 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10</p> <p>- Chiều dài chuôi: 130, 140,145, 150,155,160,165, 170,180,190mm.</p> <p>* Ổ cối:</p> <p>- Titanium alloy Plasma Spray. Có thể lắp được với cả 2 loại lớp đệm PE và Ceramic.</p> <p>-Thiết kế khóa lớp đệm tại đáy ổ cối,</p> <p>- Có thể gắn thêm đai cố định xung quanh viền ổ cối</p> <p>- Kích cỡ : 44 – 74 mm với mỗi bước tăng 2mm.</p> <p>*. Lớp đệm (Liner) :- Vật liệu : Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE)</p> <p>- Đường kính trong : 28,32 mm.</p> <p>- Đường kính ngoài : phù hợp với ổ cối có đk 44–74mm với mỗi bước tăng 2 mm.</p>	Bộ	
218	Khớp háng toàn phần không xi măng khóa đáy ổ cối chuôi phủ HA	<p>* Cuồng khớp: Vật liệu : Titanium alloy với lớp phủ Hydroxy-apatite (HA).</p> <p>- Kích cỡ chuôi: 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10</p> <p>- Chiều dài chuôi: 130, 140,145, 150,155,160,165, 170,180,190mm.</p> <p>* Ổ cối:</p> <p>Vật liệu : Titanium alloy Plasma Spray giúp. Có thể lắp được với cả 2 loại lớp đệm PE và Ceramic.</p> <p>- Có thể gắn thêm đai cố định xung quanh viền ổ cối</p> <p>- Kích cỡ : 40 – 74 mm với mỗi bước tăng 2mm.</p> <p>* Lớp đệm (Liner):</p> <p>- Vật liệu : Polyethylene cao phân tử HXL-UHMWPE.</p> <p>- Đường kính trong : 22, 28, 32, 36, 40mm.</p> <p>* Đầu Chỏm xương đùi</p> <p>- Vật liệu: CoCr.</p>	Bộ	
219	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay có xi măng	<p>* Cuồng khớp: Vật liệu : REX steel có hàm lượng nitrogen cao</p> <p>- Kích cỡ chuôi : 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10</p> <p>- Chiều dài chuôi: 130, 140,145, 150,155,160,165, 170,180,190mm.</p> <p>- Góc cổ chuôi: 135 độ. cổ côn 12/14 mm.</p> <p>* Đầu Chỏm xương đùi</p> <p>- Vật liệu : REX Steel.</p> <p>- Đường kính: 28 mm (-3, +0, +3, +5, +8, +12).</p> <p>* Đầu chỏm Bipolar:</p> <p>- Vật liệu: REX Steel/PE.</p> <p>- Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm.</p> <p>- Đầu chỏm có thiết kế Excentric-tự định vị tâm xoay</p>	Bộ	
220	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay có xi măng loại chuôi dài	<p>* Cuồng khớp: Vật liệu : REX steel có hàm lượng nitrogen cao</p> <p>- Góc cổ chuôi: 135 độ.</p> <p>- Kích cỡ chuôi: 0,1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10</p> <p>- Chiều dài chuôi: 150, 190, 205, 210, 215, 220, 225, 230, 235mm.</p> <p>* Đầu Chỏm xương đùi</p> <p>- Vật liệu: REX Steel.</p> <p>- Đường kính đầu: 28 mm (-3, +0, +3, +5, +8, +12).</p> <p>* Đầu chỏm Bipolar:</p> <p>- Vật liệu: REX Steel/PE.</p> <p>- Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm.</p> <p>- Đầu chỏm có thiết kế Excentric-tự định vị tâm xoay</p>	Bộ	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Đơn vị tính	Ghi chú
221	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay không xi măng cổ rời	<ul style="list-style-type: none"> * Cổ khớp: Vật liệu : Titanium alloy phủ Titanium Plasma Spray toàn bộ. - Kích cỡ: 1, 2, 3, 4, 5, 6. - Chiều dài cổ: 50, 56, 62, 68, 74, 80mm. - Góc cổ: 135 độ, côn 12/14 mm * Cuồng khớp: Vật liệu : Titanium. - Thiết kế 2 loại thẳng, cong phù hợp với giải phẫu nội tủy; có lỗ chốt đầu xa. - Kích cỡ chuỗi: 12, 14, 16, 18, 20mm - Chiều dài chuỗi: 120, 170, 220, 270, 320 mm * Vít chốt: Vật liệu Titanium. Đk 4.8mm dài 25-100mm. * Đầu Chỏm xương đùi - Vật liệu: REX Steel. - Đường kính đầu: 28 mm (-3, +0, +3, +5, +8, +12). * Đầu chỏm Bipolar: - Vật liệu: REX Steel/PE. - Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm. - Đầu chỏm có thiết kế Excentric-tự định vị tâm xoay 	Bộ	
222	Bộ túi chứa dịch giảm đau	PIEB 200ml kèm dây truyền chống gập (Theo máy Rythmic Evolution Yellow)	Bộ	